

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 08/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP AC.

Địa chỉ: Số 442, NTMK, p5, q3, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của ông T là: Bà Lê Thị Sương M – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP AC – Chi nhánh VL (Theo Giấy ủy quyền số 409/GUQ-QLN.18 ngày 22/3/2018).

Người đại diện theo ủy quyền của bà M là: anh Mai Nhật A – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 05/UQ-CLN.19 ngày 19/4/2019).

Cùng địa chỉ: đường HTH, p1, Tp VL, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn:

- Ông Cao Văn G, sinh năm: 1956.

- Bà Trần Thị B, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Ông Cao Văn G và bà Trần Thị B phải liên đới có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP AC – Chi nhánh VL tiền vốn là: 132.545.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), tiền lãi là: 22.021.286 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm hai mươi một ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng) tính lãi đến ngày 24/6/2019 theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số VIL.CN.01.190914 ngày 24/9/2014.

Ông Cao Văn G và bà Trần Thị B phải tiếp tục trả Ngân hàng tiền lãi phát sinh đối với số tiền vốn còn nợ lại kể từ ngày 25/6/2019 với mức lãi suất nợ quá hạn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số VIL.CN.01.190914 ngày 24/9/2014 và khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng và ông G, bà B cho đến khi ông G, bà B thanh toán xong nợ cho Ngân hàng.

- Trường hợp ông Cao Văn G và bà Trần Thị B không trả hoặc không trả đủ số tiền vốn, tiền lãi cho Ngân hàng thì buộc ông Cao Văn G và bà Trần Thị B giao toàn bộ tài sản thế chấp cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số VIL.BĐCN.01.190914 ngày 24/9/2014 để thu hồi khoản tiền vốn, tiền lãi phát sinh trong hợp đồng cụ thể: Thửa đất số 1219, diện tích 2.650 m², loại đất thổ; thửa đất số 1221, diện tích 1.300m², loại đất lâu năm khác; thửa 1233 diện tích 5.010m², loại đất ruộng 02 vụ lúa, tờ bản đồ số 0002 đất tọa lạc tại ấp sáu, xã TL Hội, huyện LH, tỉnh Cửu Long (nay là ấp TB, xã TL, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long) do ông Cao Văn G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện LH, tỉnh Cửu Long cấp theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành A 806826, số vào sổ 15790 cấp ngày 07/11/1991 chính lý mặt 4 cho ông Cao Văn G vào ngày 18/4/2006.

2.2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: là 3.864.157 đồng (Ba triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn một trăm năm mươi bảy đồng) ông Cao Văn G và bà

Trần Thị B là người cao tuổi căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên được miễn án phí số tiền 1.932.157 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm năm mươi bảy đồng). Ông G, bà B còn phải nộp thêm 1.932.000 đồng (Một triệu chín trăm ba mươi hai ngàn đồng) nộp thay cho nguyên đơn.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP AC – Chi nhánh VL số tiền 4.180.000 đồng (Bốn triệu một trăm tám chục ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MT theo biên lai thu số 0007056, ngày 03/6/2019.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAT;
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện MT;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Huỳnh Thị Linh